

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-PT
Ngày: 17/02/2022
V/v tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân;**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Hà Ngọc Thư Trúc**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 271/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 324/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐ-PT ngày 19/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Phạm Thị L**, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1957; (Có mặt)

Địa chỉ: Số x đường L, Khu phố x, Phường x, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Theo giấy ủy quyền được công chứng số (320 ngày 16/7/2021)

2. *Bị đơn:* **Lê Thị H**, sinh năm 1961; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện CT.

Địa chỉ: Ấp Cá, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Văn Bé H** – Chức vụ: Chủ tịch.
(Xin vắng mặt)

3.2. **Võ Văn Ch**, sinh năm 1958; (Vắng mặt)

3.3. **Võ Quốc N**, sinh năm 1987; (Xin vắng mặt)

3.4. **Võ Thái A**, sinh năm 1997; (Xin vắng mặt)

3.5. **Võ Quốc V**, sinh năm 1984; (Xin vắng mặt)

3.6. **Phan Văn D**, sinh năm 1963; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người làm chứng:* **Trương Thị Ngọc Th**, sinh năm 1967; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

5. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn **Phạm Thị L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Phạm Thị L và đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Văn D cùng có ý kiến trình bày:

Trước năm 1975 bà L có sử dụng phần đất khoảng 400m² đất lúa tọa lạc tại Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Sau năm 1975 bà L có kê khai phần đất trên theo hồ sơ địa chính là thửa số 4, tờ bản đồ số 01.

Năm 1985, bà L đào 02 cái ao nuôi cá nên khoảng giữa 02 ao cá có chừa khoảng đất trống làm lối đi cho cá ăn. Gia đình bà H có xin đi nhờ trên lối đi này để ra đường công cộng (nay là đường TĐ).

Năm 1989, do bà L giao lại phần đất trên cho con trai là Phan Văn D quản lý, sử dụng. Đồng thời vẫn cho gia đình ông Ch đi nhờ trên phần đất tranh chấp (ngang 1,5m, dài 8m).

Năm 2004 bà L đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Phan Văn D được Ủy ban nhân dân huyện CT tách thành 2 thửa, gồm:

- 159,2m² đất (trong đó có 111,2m² đất vườn và 48m² đất ở) thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01003 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 03/6/2004 đứng tên Phan Văn D;

- 104,3m² đất vườn thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01004 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 03/6/2004 đứng tên Phan Văn D;

Đối với phần đất đường đi tranh chấp thì ông Ch đã làm giả giấy hoán đổi đất và đăng ký kê khai để cho bà H (vợ ông Ch) đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi phát hiện thì ông D đã có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân thị trấn TH và Ủy ban nhân dân huyện CT nhưng Ủy ban nhân dân huyện CT đã ra Quyết định số

2395/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông D. Sau đó ông D có khởi kiện Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện CT tại Tòa án nhân dân huyện CT, do chủ sử dụng đất là bà L nên ông D đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CT giải quyết:

- Buộc bà Lê Thị H trả lại diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 9,7m² đất tọa lạc tại Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320/QSDD/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 16/10/2003 cho bà Lê Thị H.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Vào năm 1992, gia đình bà có hoán đổi phần đất khoảng 20m² để lấy 18m² đất mà bà L đang tranh chấp. Hai bên có lập giấy hoán đổi và có ông D (con bà L), ông Ch (chồng bà H) và 02 người làm chứng là Trần Văn Ch (đã chết) và Nguyễn Văn H (đã chết) cùng ký tên, sau khi ký tên thì ông Ch có mời trưởng ấp là ông Trần Ngọc L đến ký tên xác nhận. Năm 2012, khi làm thủ tục đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà có xuất trình giấy hoán đổi đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320/QSDD/QĐ-UB cấp ngày 16/10/2003 cho bà với diện tích 1.526,9m², thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 08. Thời điểm này gia đình có 05 thành viên gồm bà và ông Võ Văn Ch, anh Võ Quốc V, anh Võ Quốc N, anh Võ Thái A. Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu trả lại đất tranh chấp.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Quốc V, Võ Thái A, Võ Quốc N có ý kiến trình bày:

Các anh thống nhất lời trình bày của mẹ anh là bà Lê Thị H. Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu trả lại đất tranh chấp.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn D có ý kiến trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của mẹ anh là bà Phạm Thị L. Nay đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu trả lại đất tranh chấp.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CT có đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn Bé H có ý kiến trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320/QSDD/QĐUB cấp ngày 16/10/2003 cho bà Lê Thị H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể là:

- Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 08/02/2001 có chữ ký của các hộ liên kề;

- Hồ sơ kỹ thuật thửa đất;

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ bà Lê Thị H ghi ngày 21/7/2001 được Ủy ban nhân dân thị trấn TH xác nhận ngày 02/12/2002 với nội dung “Hiện trạng thửa đất V+T. Nguồn gốc đất có giấy đỏ (cấp theo diện tích tự kê khai) đất không tranh chấp, không nằm trong qui hoạch...”.

Cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H là:

- Khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định “Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:...b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính”.

- Điểm a khoản 3 chương 2 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính về hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 271/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các Điều 163, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 26, 95 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về yêu cầu buộc bà Lê Thị H trả lại diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 9,7m² đất tọa lạc tại Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320/QSĐĐ/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 16/10/2003 cho bà Lê Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, nguyên đơn Phạm Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 271/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Công nhận diện tích tranh chấp theo đo đạc thực tế 9,7m² là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà nằm trong thửa số 4 tờ bản đồ số 1 cho gia đình bà H di nhờ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn D là người đại diện ủy quyền của bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Lê

Thị H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Hai đương sự không có sự thỏa thuận giải quyết được tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đòi bà Lê Thị H trả lại 9,7m² đất và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà L đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) của bà H do bà L rút yêu cầu là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 271/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của TAND huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày tranh luận và ý kiến phân tích đề nghị của đại diện Viện kiểm sát;

Xét thấy:

[1] Nguyên đơn Phạm Thị L thực hiện quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Bà Phạm Thị L ủy quyền cho anh Nguyễn Văn D làm đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được thực hiện đúng quy định tại Điều 85, 86 của BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện CT có đơn xin vắng mặt, Võ Quốc N, Võ Thái A, Võ Quốc V và bị đơn Lê Thị H được Tòa án triệu tập tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 và 296 BLTTDS xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Thị H trả lại bà L 9,7m² đất và yêu cầu hủy GCN QSDĐ do UBND huyện CT cấp cho bà Lê Thị H. Các tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định khoản 9 Điều 26, Điều 34 của BLTTDS, Điều 161, 164, 166 của Bộ luật dân sự (BLDS) và Điều 26, 95, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Phạm Thị L cho rằng phần đất 9,7m² là lối đi nằm giữa thửa 65 tờ bản đồ số 8 và thửa 66 tờ bản đồ số 8 có nguồn gốc từ thửa số 4 tờ bản đồ số 1 do bà L kê khai đứng tên sau năm 1975 với diện tích khoảng 400m². Năm 1985 bà L đào 02 cái ao nuôi cá chừa lối đi ở giữa để đi lại cho cá ăn và bà có cho gia đình bà H đi nhờ trên lối đi này ra đường công cộng (Nay là đường TĐ).

Năm 2004, bà L làm thủ tục tặng cho anh Phan Văn D thừa số 4 tờ bản đồ số 1 được UBND huyện CT cấp GCN QSDĐ cho anh Dũng, tách thành 02 thửa 65 diện tích 159,2m² và thửa 66 diện tích 104,3m². Còn phần đất đường đi thì ông Võ Văn Ch là chồng bà H làm giấy hoán đổi đất và kê khai cho bà H đứng tên. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả lại phần đất lối đi. Qua đo đạc thực tế 9,7m² và yêu cầu hủy GCN QSDĐ do UBND huyện CT đã cấp cho bà H. Quá trình giải quyết vụ án bà L rút lại yêu cầu hủy GCN QSDĐ do UBND huyện cấp cho bà H.

Bị đơn Lê Thị H cho rằng năm 1992 gia đình bà có lập giấy hoán đổi đất với bà L. Bà đổi khoảng 20m² cho bà L để lấy 18m². Việc hoán đổi đất có làm giấy tay và có Trưởng ấp là Trần Ngọc L ký tên xác nhận. Khi làm thủ tục cấp GCN QSDĐ bà có xuất trình giấy hoán đổi nên đã được UBND huyện CT cấp GCN QSDĐ số 00320/QSDĐ/QĐ-UB ngày 16/10/2003 cho bà đứng tên. Vì vậy bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà H trả 9,7m² đất và đình chỉ yêu cầu hủy GCN QSDĐ của bà H do bà L rút đơn. Không đồng ý với quyết định án sơ thẩm đã xử bà Phạm Thị L kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L nhận thấy:

[4.1] Bà Phạm Thị L có 02 thửa đất. Thửa 65 diện tích 159,2m² và thửa 66 diện tích 104,3m² tờ bản đồ số 8 đã được UBND huyện CT cấp GCN QSDĐ số 00451 và số 00449 cùng ngày 16/10/2003 cho bà L đứng tên tại Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Bút lục số 75, 78). Việc kê khai đăng ký cấp QSDĐ do bà L tự thực hiện giữa 02 thửa 65 và 66 là khoảng đất trống, ngang 1,55m, dài 7,31m (Bút lục số 182-189).

Năm 2004, bà L lập thủ tục tặng cho con là Phan Văn D 02 thửa đất nói trên và anh Dũng được UBND huyện CT cấp GCN QSDĐ số 01003 và 01004 ngày 03/6/2004. (Bút lục số 192-200)

Còn bà Lê Thị H được UBND huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp GCN QSDĐ số 00320/QSDĐ/QĐ-UB ngày 16/10/2003 thửa 35 tờ bản đồ số 8 diện tích 1526,9m² cũng tại Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Trong đó có 9,7m² bà L tranh chấp nằm giữa thửa 65 và 66 hiện là lối đi từ hộ nhà bà H ra đường công cộng TĐ từ trước đến nay. (Bút lục số 201)

[4.2] Vào thời điểm UBND huyện CT cấp GCN QSDĐ cho bà L và bà H vào năm 2003 thì giữa 02 thửa 65 và 66 là con hẻm do gia đình bà H sử dụng làm lối đi từ thửa 35 ra đường TĐ mà hai bên không có tranh chấp hay khiếu nại. Còn theo Biên bản thẩm tra đo đạc, diện tích đất chuyển QSDĐ từ bà Phạm Thị L cho anh Phan Văn D lập ngày 29/5/2004 cũng thể hiện giữa 02 thửa đất 65 và 66 là hẻm, chiều ngang 1,5m (Bút lục số 76, 79) không nằm trong GCN QSDĐ của bà L trước đây và anh Dũng hiện nay.

[5] Bà L khai phần đất bà tranh chấp với bà H theo đo đạc thực tế là 9,7m² là đất của bà cho gia đình bà H đi nhờ từ năm 1985 và sau đó ông Ch chồng bà H làm giả giấy hoán đổi để cho bà H kê khai đứng tên nhưng bà L không có chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà đúng quy

định tại Điều 29, 95, 166, 170 Luật đất đai. Do đó án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà H trả cho bà 9,7m² đất là có căn cứ.

Nay bà L kháng cáo nhưng cũng không cung cấp bổ sung được tài liệu chứng cứ mới có giá trị pháp lý làm thay đổi tính chất nội dung vụ án nên không được chấp nhận.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm xử đúng pháp luật không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

[7] Về án phí: Bà L là người cao tuổi và bà có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án cho bà L được miễn án phí DSST và DSPT.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293 khoản 1 Điều 308, Điều 313 BLTTDS;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L;

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 271/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của TAND huyện CT, tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 296 BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 161, 164, 166 của BLDS và Điều 26, 95, 166, 170 và 203 Luật đất đai năm 2013 và Điều 2 luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đòi hủy GCN QSDĐ số 00320/QSDĐ/QĐ-UB do UBND huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/10/2003 cho bà Lê Thị H đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đòi bà Lê Thị H trả lại bà 9,7m² đất thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 08, tại Ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. Về án phí:

Bà Phạm Thị L được miễn án phí DSST và án phí DSPT.

Trả lại bà L 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 25440 ngày 14/6/2016 của Chi cục THA huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CT;
- CC THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải